

Số: 2655 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 08 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí
Quy hoạch vị trí tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời
trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020
và định hướng đến năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGTVT ngày 29/5/2012 của Bộ Giao thông vận tải về ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ";

Căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-BXD ngày 31/10/2013 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện quảng cáo ngoài trời;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1912/TTr-SVHTTDL ngày 28/11/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí Quy hoạch vị trí tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025, cụ thể như sau:

1. Tên quy hoạch: Vị trí tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

2. Cơ quan lập quy hoạch: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Mục tiêu: Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực hoạt động tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời phạm vi toàn tỉnh; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng cũng như các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tham gia hoạt động quảng cáo, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời tạo mỹ quan đô thị và những nơi vui chơi giải trí công cộng; đảm bảo yếu tố cảnh quan, kiến trúc và văn minh đô thị, trật tự an toàn xã hội; đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện thời tiết, khí hậu của tỉnh Bình Phước.

4. Phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch:

- Phạm vi: Bao gồm các hình thức tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời, thể hiện trên các phương tiện như: Bảng tấm lớn, bảng tấm nhỏ, màn hình LED, màn hình LCD, bảng thông tin quảng cáo (quảng cáo rao vặt), bảng rôn ngang, bảng rôn dọc, biển hiệu, quảng cáo bằng đoàn người, quảng cáo bằng loa phóng thanh và hình thức tương tự, quảng cáo trên các phương tiện giao thông.

- Thời kỳ quy hoạch: Đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

5. Nhiệm vụ: Quy hoạch các vị trí tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

6. Sản phẩm của quy hoạch: Báo cáo tổng hợp vị trí tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời.

7. Dự toán kinh phí xây dựng quy hoạch: 173.584.000đ (Một trăm bảy mươi ba triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn đồng). Nguồn kinh phí: Bố trí từ nguồn quy hoạch năm 2015.

8. Tiến độ thực hiện: Trong năm 2015.

Điều 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là đơn vị chủ trì thực hiện có trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện tốt các nội dung được phê duyệt tại Điều 1.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:

- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Như điều 3;
- LĐ VP, các Phòng: VX, KTN, KTTH;
- Lưu VT (T-27-2014).



Nguyễn Huy Phong²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG
NHIỆM VỤ QUY HOẠCH VỊ TRÍ TUYÊN TRUYỀN
CHÍNH TRỊ VÀ QUẢNG CÁO NGOÀI TRỜI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐẾN NĂM 2020
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

Đơn vị chủ quản: UBND tỉnh Bình Phước.

Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Bình Phước, tháng 12 năm 2014

Phần I
TÌNH HÌNH CHUNG

I. KHÁI QUÁT VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI

1. Vị trí địa lý, tự nhiên
2. Đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội

II. PHẠM VI, NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU VÀ QUY CHUẨN

1. Phạm vi - đối tượng quy hoạch

a. Phạm vi

b. Đối tượng quy hoạch

2. Nguyên tắc quy hoạch

a. Các nguyên tắc chung:

b. Nguyên tắc bố trí các loại hình quảng cáo:

3. Mục tiêu:

Nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực hoạt động tuyên truyền chính trị và quảng cáo trên phạm vi toàn tỉnh, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng cũng như các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tham gia hoạt động quảng cáo, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đồng thời ổn định trật tự tạo vẻ mỹ quan đô thị và những nơi vui chơi giải trí công cộng;

Đảm bảo yếu tố cảnh quan, kiến trúc và văn minh đô thị, trật tự an toàn xã hội;

Đảm bảo phù hợp với điều kiện thời tiết, khí hậu của tỉnh Bình Phước;

Đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Quy chuẩn về tiêu chí đối với từng loại hình quảng cáo trong quy hoạch.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGTVT ngày 29/5/2012 của Bộ Giao thông vận tải về ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ”;

Căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-BXD ngày 31/10/2013 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện quảng cáo ngoài trời;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu.

IV. THỰC TRẠNG VÀ SỰ CẦN THIẾT

1. Thực trạng hoạt động tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời

a) Tuyên truyền chính trị

b) Quảng cáo ngoài trời

2. Sự cần thiết

Năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phê duyệt Đề án Quy hoạch vị trí tuyên truyền cổ động chính trị và quảng cáo thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020 (Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009), Quy hoạch đã được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, bước đầu đã đạt được kết quả nhất định. Tuy nhiên, do sự phát triển kinh tế - xã hội, trong quá trình thực hiện Quy hoạch đã phát sinh nhiều bất cập.

2.1. Đưa hoạt động quảng cáo ngoài trời phục vụ đặc lực quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Quy hoạch quảng cáo ngoài trời sẽ là kênh thông tin trực quan quan trọng, hữu hiệu, phản ánh đầy đủ, kịp thời sinh động các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân; phục vụ đặc lực công tác tuyên truyền các sự kiện văn hóa - thương mại - du lịch của tỉnh và các địa phương. Bên cạnh đó, quy hoạch sẽ thúc đẩy ngành công nghiệp quảng cáo ngoài trời phát triển. Góp phần lập lại trật tự cảnh quan đô thị, khu



công nghiệp, các trung tâm chính trị - kinh tế - văn hoá của tỉnh và các địa phương, các tuyến đường giao thông trọng yếu trên địa bàn tỉnh, từng bước thúc đẩy hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan, quảng cáo ngoài trời trở thành một ngành kinh tế của địa phương trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập khu vực, quốc tế.

2.2. Hiện đại hoạt động tuyên truyền, quảng cáo ngoài trời và nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước

Sắp xếp, bố trí hệ thống tuyên truyền, quảng cáo ngoài trời theo hướng hiện đại, đồng bộ, phù hợp với kết cấu hạ tầng, tốc độ và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp cận và áp dụng công nghệ quảng cáo ngoài trời hiện đại nhưng vẫn kế thừa, duy trì hệ thống bảng quảng cáo tuyên truyền cổ động trực quan, quảng cáo ngoài trời còn phù hợp đang thực hiện. Bảo đảm và nâng cao yếu tố cảnh quan, tính văn hóa, kiến trúc và văn minh đô thị, trật tự an toàn xã hội trong hoạt động tuyên truyền, quảng cáo tại tỉnh Bình Phước. Các loại hình tuyên truyền, quảng cáo ngoài trời sẽ là một công cụ hữu hiệu làm đẹp bộ mặt cảnh quan đô thị của tỉnh.

Nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước đối với hoạt động quảng cáo ngoài trời, từng bước đưa hoạt động quảng cáo ngoài trời đi vào nề nếp. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước, tạo hành lang pháp lý thông thoáng, thực hiện cải cách hành chính trong hoạt động quảng cáo ngoài trời theo cơ chế “một cửa liên thông”. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể về các loại hình quảng cáo ngoài trời được UBND tỉnh phê duyệt, các ngành liên quan của tỉnh sẽ có quan điểm đồng nhất về việc phối hợp quản lý, cấp phép, hậu kiểm hoạt động quảng cáo ngoài trời.

2.3. Thực hiện có hiệu quả cơ chế xã hội hóa công tác tuyên truyền, quảng cáo ngoài trời và đảm bảo yếu tố cảnh quan, kiến trúc, văn minh đô thị, trật tự an toàn xã hội

Tranh thủ và khuyến khích nguồn vốn các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và sử dụng hệ thống công trình phục vụ tuyên truyền, quảng cáo ngoài trời hiện đại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đúng vị trí, kiểu dáng, chất liệu... theo quy định. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quảng cáo, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Trên cơ sở quy hoạch, các loại hình quảng cáo ngoài trời sẽ được phân kỳ đầu tư khoa học thông qua nhiều hình thức, nguồn vốn; quy hoạch là căn cứ để UBND tỉnh cụ thể các cơ chế, chính sách xã hội hóa, mời gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các loại hình bảng, biển, băng rôn quảng cáo ngoài trời trên phạm vi toàn tỉnh, nhất là loại hình quảng cáo phục vụ nhiệm vụ chính trị.

V. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. Quảng cáo
2. Sản phẩm quảng cáo.

3. Bảng rôn
4. Công trình quảng cáo
5. Màn hình chuyên quảng cáo
6. Biển hiệu
7. Bảng quảng cáo
8. Bảng quảng cáo cố định
9. Bảng quảng cáo di động
10. Diện tích quảng cáo
11. Bảng quảng cáo tấm lớn
12. Bảng quảng cáo tấm nhỏ
13. Dịch vụ có mục đích sinh lời
14. Người kinh doanh dịch vụ quảng cáo
15. Đoàn người thực hiện quảng cáo
16. Kết cấu quảng cáo
17. Đường bộ
18. Quốc lộ
19. Tỉnh lộ
20. Huyện lộ
21. Đất của đường bộ
22. Hành lang an toàn đường bộ
23. Đường đô thị
24. Dải phân cách.

Phần II

VỊ TRÍ QUY HOẠCH TUYÊN TRUYỀN CHÍNH TRỊ

I. BẢNG TUYÊN TRUYỀN TẤM LỚN

1. Quốc lộ

a) Quy cách:

Vị trí, diện tích, chiều cao, hình thức, khoảng cách.

b) Địa điểm: Thực hiện theo biểu 1.

2. Tỉnh lộ

a) Quy cách:

Vị trí, diện tích, chiều cao, hình thức, khoảng cách.

b) *Địa điểm*: Thực hiện theo biểu 1.

3. Huyện lộ

a) *Quy cách*:

Vị trí, diện tích, chiều cao, hình thức, khoảng cách.

b) *Địa điểm*: Thực hiện theo biểu 1.

II. BẢNG TUYÊN TRUYỀN TÂM NHỎ (Áp dụng cho khu vực ngoại thành, ngoại thị và nội thành, nội thị)

1. Quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ

1.1. Đặt ngoài đất của đường bộ

a) *Quy cách*:

Vị trí, diện tích, chiều cao, hình thức, khoảng cách.

b) *Địa điểm*: Thực hiện theo biểu số 2.

1.2. Đặt trên dải phân cách các tuyến đường

1.2.1. Đối với quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ có chiều rộng dải phân cách lớn hơn 12m.

a) *Quy cách*:

Vị trí, diện tích, chiều cao, chiều ngang, hình thức, khoảng cách.

b) *Địa điểm*: Thực hiện theo biểu số 3.

1.2.2. Đối với đường quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ có chiều rộng dải phân cách từ 8 đến 12m.

a) *Quy cách*:

Vị trí, diện tích, chiều cao, chiều ngang, hình thức, khoảng cách.

b) *Địa điểm*: Thực hiện theo biểu số 4.

1.2.3. Đối với đường quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ có chiều rộng dải phân cách từ 6 đến 8m.

a) *Quy cách*:

Vị trí, diện tích, chiều cao, chiều ngang, hình thức, khoảng cách.

b) *Địa điểm*: Thực hiện theo biểu số 5.

1.2.4. Đối với đường quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ có chiều rộng dải phân cách từ 4 đến 6m.

a) *Quy cách*:

Vị trí, diện tích, chiều cao, chiều ngang, hình thức, khoảng cách.

b) *Địa điểm*: Thực hiện theo biểu số 6.

1.2.5. Đối với đường quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ có chiều rộng dải phân cách từ 2 đến 4m.

a) *Quy cách*:

Vị trí, diện tích, chiều cao, chiều ngang, hình thức, khoảng cách.

b) *Địa điểm*: Thực hiện theo biểu số 7.

2. Khu vực cửa khẩu

Vị trí, diện tích, chiều cao, chất liệu, kiểu dáng, hình thức.

3. Trong các công viên

Hình thức, vị trí, chiều cao tối thiểu, chiều cao tối đa.

4. Tại khu vực các bến xe, sân thể thao

Vị trí, diện tích, chiều cao, kiểu dáng.

5. Tại khu trung tâm hành chính cấp tỉnh, huyện, xã; khu trung tâm văn hóa; trung tâm thương mại...

Vị trí, diện tích, chất liệu, kiểu dáng, khoảng cách giữa các bảng.

6. Màn hình LED và các hình thức tương tự

6.1. Quy cách:

- Vị trí, diện tích, chiều cao, kiểu dáng, khoảng cách.

6.2 Địa điểm, số lượng:

a) *Địa điểm*.

b) *Số lượng*.

7. Bảng rôn ngang, bảng rôn dọc

7.1. Bảng rôn ngang:

a) *Quy cách*:

Vị trí, kích thước, chiều cao.

b) *Địa điểm*: Thực hiện theo biểu số 8.

7.2. Bảng rôn dọc:

a) *Quy cách*:

Vị trí, kích thước, chiều cao, khoảng cách.

b) *Địa điểm*: Thực hiện theo biểu số 8

Phần III VỊ TRÍ QUY HOẠCH

QUẢNG CÁO NGOÀI TRỜI

I. BẢNG QUẢNG CÁO TẮM LỚN

1. Quốc lộ

a) Quy cách:

Vị trí, diện tích, chiều cao, hình thức, khoảng cách.

b) Địa điểm: Thực hiện theo biểu 9.

2. Tỉnh lộ

a) Quy cách:

Vị trí, diện tích, chiều cao, hình thức, khoảng cách.

b) Địa điểm: Thực hiện theo biểu 9.

3. Huyện lộ

a) Quy cách:

Vị trí, diện tích, chiều cao, hình thức, khoảng cách.

b) Địa điểm: Thực hiện theo biểu 9.

II. BẢNG QUẢNG CÁO TẮM NHỎ (Áp dụng cho khu vực ngoại thành, ngoại thị và nội thành, nội thị)

1. Quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ

1.1. Đặt ngoài đất của đường bộ

a) Quy cách:

Vị trí, diện tích, chiều cao, hình thức, khoảng cách.

b) Địa điểm: Thực hiện theo biểu số 10

1.2. Đặt trên dải phân cách các tuyến đường

1.2.1. Đối với quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ có chiều rộng dải phân cách lớn hơn 12m.

a) Quy cách:

Vị trí, diện tích, chiều cao, chiều ngang, hình thức, khoảng cách.

b) Địa điểm: Thực hiện theo biểu số 11.

1.2.2. Đối với đường quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ có chiều rộng dải phân cách từ 8 đến 12m.

a) Quy cách:

Vị trí, diện tích, chiều cao, hình thức, khoảng cách.

b) Địa điểm: Thực hiện theo biểu số 12.

1.2.3. Đối với đường quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ có chiều rộng dải phân cách từ 6 đến 8m.

a) *Quy cách:*

Vị trí, diện tích, chiều cao, hình thức, khoảng cách.

b) *Địa điểm:* Thực hiện theo biểu số 13.

1.2.4. Đối với đường quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ có chiều rộng dải phân cách từ 4 đến 6m.

a) *Quy cách:*

Vị trí, diện tích, chiều cao, hình thức, khoảng cách.

b) *Địa điểm:* Thực hiện theo biểu số 14.

1.2.5. Đối với đường quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ có chiều rộng dải phân cách từ 2 đến 4m.

a) *Quy cách:*

Vị trí, diện tích, chiều cao, hình thức, khoảng cách.

b) *Địa điểm:* Thực hiện theo biểu số 15.

2. Khu vực cửa khẩu

Vị trí, diện tích, chất liệu, kiểu dáng, khoảng cách giữa các bảng, hình thức.

3. Trong các công viên

Hình thức, vị trí, chiều cao tối thiểu.

4. Tại khu vực các bến xe, sân thể thao

Vị trí, diện tích, chiều cao, kiểu dáng.

5. Tại khu trung tâm hành chính cấp tỉnh, huyện, xã; khu trung tâm văn hóa; trung tâm thương mại...

Vị trí, diện tích, chất liệu, kiểu dáng, khoảng cách giữa các bảng.

6. Màn hình chuyên quảng cáo: Màn hình LED, màn hình LCD và các hình thức tương tự

6.1. Màn hình LED và các hình thức tương tự:

a) *Quy cách:*

Vị trí, diện tích, chiều cao, kiểu dáng và một số quy định khác.

b) *Địa điểm, số lượng.*

6.2. Màn hình LCD:

a) *Quy cách:*

Vị trí, diện tích, chiều cao, kiểu dáng.

b) *Số lượng.*

7. Bảng thông tin quảng cáo (quảng cáo rao vặt)

8. Biển hiệu, bảng quảng cáo đặt trên vỉa hè trong đô thị

Vị trí, kiểu dáng, kích thước.

9. Bảng rôn ngang, bảng rôn dọc

9.1. Bảng rôn ngang:

a) *Quy cách:*

Vị trí, kích thước, chiều cao.

b) *Địa điểm:* Thực hiện theo biểu số 16.

9.2. Bảng rôn dọc:

a) *Quy cách:*

Vị trí, kích thước, chiều cao, khoảng cách.

b) *Địa điểm:* Thực hiện theo biểu số 16

10. Đoàn người thực hiện quảng cáo

11. Quảng cáo bằng loa phóng thanh và các hình thức tương tự

12. Quảng cáo trên các phương tiện giao thông.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền

2. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu; tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tuyên truyền, quảng cáo

2.1. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu.

2.2. Tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tuyên truyền, quảng cáo và làm tốt công tác thi đua khen thưởng, xử lý vi phạm.

3. Bố trí hợp lý nguồn vốn và cơ chế huy động vốn và quỹ đất

3.1. Đối với bảng, biển tuyên truyền cổ động nhiệm vụ chính trị và quảng cáo không có mục đích sinh lời.

3.2. Đối với quảng cáo thương mại.

3.3. Nhu cầu kinh phí xây dựng hệ thống bảng tuyên truyền cổ động trực quan mới đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

3.4. Phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn cụ thể

3.5. Xác định nhu cầu về đất cho tuyên truyền cổ động trực quan và quảng cáo thương mại.

4. Thực hiện cơ chế phối kết hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, địa phương liên quan trong quản lý hoạt động tuyên truyền, quảng cáo. Tăng cường việc tham quan, học tập mô hình, kinh nghiệm của các địa phương trong cả nước trong quản lý nhà nước về lĩnh vực tuyên truyền, quảng cáo.

II. PHÂN KỲ THỰC HIỆN

Để thực hiện Quy hoạch vị trí tuyên truyền cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 đạt hiệu quả cao và đảm bảo các mục tiêu, nhiệm vụ. Phân kỳ thực hiện Quy hoạch theo 3 giai đoạn cụ thể sau:

1. Giai đoạn 1 (từ năm 2014 - 2016):

- Năm 2014: Xây dựng và phê duyệt Quy hoạch vị trí tuyên truyền chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

- Các năm tiếp theo: Rà soát, khắc phục hiện trạng trái quy hoạch.

- Lựa chọn, xây dựng mới một số hệ thống bảng tuyên truyền cổ động trực quan, quảng cáo ngoài trời tại các huyện, thị xã. Đặc biệt tiến hành xây dựng hệ thống cột treo băng rôn theo đúng những vị trí đã được quy hoạch.

- Sơ kết 3 năm đầu thực hiện Quy hoạch nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm.

2. Giai đoạn 2 (từ năm 2017 - 2020):

- Xây dựng một số bảng tấm lớn truyền truyền cổ động trực quan tại điểm giáp ranh với các tỉnh, nước bạn Campuchia bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp.

- Trên cơ sở quy hoạch đã duyệt, tiếp tục cấp phép và khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các loại bảng, trạm bảng tin trên phạm vi toàn tỉnh theo đúng các vị trí đã xác định trong quy hoạch.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống công cụ cổ động trực quan và quảng cáo hộp đèn tại dải phân cách trong nội ô các huyện, thị xã. Xây dựng bảng quảng cáo điện tử (LED) tại các vị trí đã có trong quy hoạch.

- Tổng kết, rút kinh nghiệm quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch, rút ra bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện những năm còn lại.

3. Giai đoạn 3 (từ năm 2021 - 2025): Hoàn thiện và định hướng

- Hoàn chỉnh toàn bộ hệ thống công cụ cổ động trực quan và bảng quảng cáo tấm lớn đúng quy hoạch trên toàn tỉnh, bảo đảm mỗi bảng quảng cáo là một công trình đầu tư khai thác trong nhiều năm, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Hoàn thiện thực hiện quy hoạch tuyên truyền, quảng cáo, trạm bảng tin tại các tuyến đường chính theo công nghệ hiện đại, tiên tiến.



- Thực hiện hệ thống bảng cô động trực quan và quảng cáo ngoài trời dọc theo các tuyến đường mới, các khu đô thị mới hình thành theo quy hoạch.

- Tăng cường đa dạng hóa công nghệ quảng cáo mới vào các bảng quảng cáo tầm lớn.

- Tổng kết, báo cáo kết quả việc thực hiện Quy hoạch.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, NGÀNH CÓ LIÊN QUAN:

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2. Sở Xây dựng
3. Sở Tài chính
4. Sở Giao thông vận tải
5. Sở Kế hoạch đầu tư
6. Công an tỉnh
7. Sở Thông tin và Truyền thông
8. Sở Tài nguyên và Môi trường
9. Sở Y tế
10. Sở Công thương
11. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
13. Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng
14. UBND các huyện, thị xã
15. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

PHẦN V

BẢN VẼ PHỐI CẢNH VÀ BIỂU MẪU

I. BẢN VẼ PHỐI CẢNH

II. BIỂU MẪU (16 biểu mẫu)

III. BẢN ĐỒ TRÍCH LỤC (tỉ lệ 1/50.000).

BIỂU 01

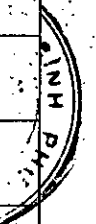
(Thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 1; Điểm b, Khoản 2, và Điểm b, Khoản 3, Mục I, Phần II)

TT	HUYỆN, THỊ XÃ	VỊ TRÍ	
01	Đồng Phú	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
02	Bù Đăng	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
03	Bù Gia Mập	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
04	Bù Đốp	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
05	Lộc Ninh	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
06	Hớn Quản	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
07	Chơn Thành	Quốc lộ	

		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
08	Bình Long	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
09	Phước Long	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
10	Đông Xoài	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	

BIỂU 02*(Thực hiện theo quy định tại Tiết b, Điểm 1.1, Khoản 1, Mục II, Phần II)*

TT	HUYỆN, THỊ XÃ	VỊ TRÍ	
01	Đông Phú	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
02	Bù Đăng	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
03	Bù Gia Mập	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
04	Bù Đốp	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
05	Lộc Ninh	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
06	Hớn Quản	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
07	Chơn Thành	Quốc lộ	



		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
08	Bình Long	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
09	Phước Long	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
10	Đông Xoài	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	

BIỂU 03

(Thực hiện theo quy định tại phân b, Tiết 1.2.1, Điểm 1.2,
Khoản 1, Mục II, Phần II)

TT	HUYỆN, THỊ XÃ	VỊ TRÍ	
01	Đông Phú	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
02	Bù Đăng	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
03	Bù Gia Mập	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
04	Bù Đốp	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
05	Lộc Ninh	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
06	Hớn Quản	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
07	Chơn Thành	Quốc lộ	



		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
08	Bình Long	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
09	Phước Long	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
10	Đồng Xoài	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	

BIỂU 04

(Thực hiện theo quy định tại phần b, Tiết 1.2.2, Điểm 1.2,
Khoản 1, Mục II, Phần II)

TT	HUYỆN, THỊ XÃ	VỊ TRÍ	
01	Đông Phú	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
02	Bù Đăng	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
03	Bù Gia Mập	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
04	Bù Đốp	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
05	Lộc Ninh	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
06	Hớn Quản	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
07	Chơn Thành	Quốc lộ	



		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
08	Bình Long	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
09	Phước Long	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
10	Đồng Xoài	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	

BIỂU 05

(Thực hiện theo quy định tại phân b, Tiết 1.2.3, Điểm 1.2,
Khoản 1, Mục II, Phần II)

TT	HUYỆN, THỊ XÃ	VỊ TRÍ	
01	Đông Phú	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
02	Bù Đăng	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
03	Bù Gia Mập	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
04	Bù Đốp	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
05	Lộc Ninh	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
06	Hớn Quản	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
07	Chơn Thành	Quốc lộ	



		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
08	Bình Long	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
09	Phước Long	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
10	Đồng Xoài	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	

BIỂU 06

(Thực hiện theo quy định tại phần b, Tiết 1.2.4, Điểm 1.2,
Khoản 1, Mục II, Phần II)

TT	HUYỆN, THỊ XÃ	VỊ TRÍ	
01	Đồng Phú	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
02	Bù Đăng	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
03	Bù Gia Mập	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
04	Bù Đốp	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
05	Lộc Ninh	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
06	Hớn Quản	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
07	Chơn Thành	Quốc lộ	

PH. PH. PH.

		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
08	Bình Long	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
09	Phước Long	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
10	Đồng Xoài	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	

BIỂU 07

(Thực hiện theo quy định tại phần b, Tiết 1.2.5, Điểm 1.2,
Khoản 1, Mục II, Phần II)

TT	HUYỆN, THỊ XÃ	VỊ TRÍ	
01	Đồng Phú	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
02	Bù Đăng	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
03	Bù Gia Mập	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
04	Bù Đốp	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
05	Lộc Ninh	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
06	Hớn Quản	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
07	Chơn Thành	Quốc lộ	



		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
08	Bình Long	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
09	Phước Long	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
10	Đồng Xoài	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	

BIỂU 08

(Thực hiện theo quy định tại Tiết b, Điểm 7.1, và Tiết b, Điểm 7.2, Khoản 6, Mục II, Phần II)

TT	Tuyến đường	Số lượng tối đa	
		Băng rôn ngang	Băng rôn dọc
I	Đồng Phú		
II	Bù Đăng		
III	Bù Gia Mập		
IV	Bù Đốp		
V	Lộc Ninh		
VI	Hớn Quản		
VII	Chơn Thành		
VIII	Bình Long		
IX	Phước Long		
X	Đồng Xoài		

BIỂU 09

(Thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 1; Điểm b, Khoản 2, và Điểm b, Khoản 3, Mục I, Phần III)

TT	HUYỆN, THỊ XÃ	VỊ TRÍ	
01	Đông Phú	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
02	Bù Đăng	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
03	Bù Gia Mập	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
04	Bù Đốp	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
05	Lộc Ninh	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
06	Hớn Quản	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
07	Chơn Thành	Quốc lộ	

		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
08	Bình Long	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
09	Phước Long	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
10	Đồng Xoài	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	



BIỂU 10

(Thực hiện theo quy định tại Tiết b, Điểm 1.1, Khoản 1, Mục II, Phần III)

TT	HUYỆN, THỊ XÃ	VỊ TRÍ	
01	Đông Phú	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
02	Bù Đăng	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
03	Bù Gia Mập	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
04	Bù Đốp	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
05	Lộc Ninh	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
06	Hớn Quản	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
07	Chơn Thành	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	

		Huyện lộ	
08	Bình Long	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
09	Phước Long	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
10	Đồng Xoài	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	



BIỂU 11

(Thực hiện theo quy định tại phần b, Tiết 1.2.1, Điểm 1.2,
Khoản 1, Mục II, Phần III)

TT	HUYỆN, THỊ XÃ	VỊ TRÍ	
01	Đông Phú	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
02	Bù Đăng	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
03	Bù Gia Mập	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
04	Bù Đốp	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
05	Lộc Ninh	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
06	Hớn Quản	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
07	Chơn Thành	Quốc lộ	

		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
08	Bình Long	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
09	Phước Long	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
10	Đồng Xoài	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	



BIỂU 12

(Thực hiện theo quy định tại phần b, Tiết 1.2.2, Điểm 1.2,
Khoản 1, Mục II, Phần III)

TT	HUYỆN, THỊ XÃ	VỊ TRÍ	
01	Đông Phú	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
02	Bù Đăng	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
03	Bù Gia Mập	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
04	Bù Đốp	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
05	Lộc Ninh	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
06	Hớn Quản	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
07	Chơn Thành	Quốc lộ	

		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
08	Bình Long	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
09	Phước Long	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
10	Đồng Xoài	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	

BIỂU 13

(Thực hiện theo quy định tại phần b, Tiết 1.2.3, Điểm 1.2,
Khoản 1, Mục II, Phần III)

TT	HUYỆN, THỊ XÃ	VỊ TRÍ	
01	Đông Phú	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
02	Bù Đăng	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
03	Bù Gia Mập	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
04	Bù Đốp	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
05	Lộc Ninh	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
06	Hớn Quản	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
07	Chơn Thành	Quốc lộ	

		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
08	Bình Long	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
09	Phước Long	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
10	Đồng Xoài	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	

BIỂU 14

(Thực hiện theo quy định tại phần b, Tiết 1.2.4, Điểm 1.2,
Khoản 1, Mục II, Phần III)

TT	HUYỆN, THỊ XÃ	VỊ TRÍ	
01	Đông Phú	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
02	Bù Đăng	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
03	Bù Gia Mập	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
04	Bù Đốp	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
05	Lộc Ninh	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
06	Hớn Quản	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
07	Chơn Thành	Quốc lộ	

		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
08	Bình Long	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
09	Phước Long	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
10	Đồng Xoài	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	



BIỂU 15

(Thực hiện theo quy định tại phần b, Tiết 1.2.5, Điểm 1.2,
Khoản 1, Mục II, Phần III)

TT	HUYỆN, THỊ XÃ	VỊ TRÍ	
01	Đông Phú	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
02	Bù Đăng	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
03	Bù Gia Mập	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
04	Bù Đốp	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
05	Lộc Ninh	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
06	Hớn Quản	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
07	Chơn Thành	Quốc lộ	

		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
08	Bình Long	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
09	Phước Long	Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	
10	Đồng Xoài	Quốc lộ	
		Tỉnh lộ	
		Huyện lộ	

INH Đ

**BIỂU 16**

Thực hiện theo quy định tại Tiết b, Điểm 9.1, và Tiết b, Điểm 9.2, Khoản 8, Mục II, Phần III)

TT	Tuyến đường	Số lượng tối đa	
		Băng rôn ngang	Băng rôn dọc
I	Đồng Phú		
II	Bù Đăng		
III	Bù Gia Mập		
IV	Bù Đốp		
V	Lộc Ninh		
VI	Hớn Quản		
VII	Chơn Thành		
VIII	Bình Long		
IX	Phước Long		
X	Đồng Xoài		